

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường.
- **Các hội thẩm nhân dân:** Bà Phạm Thị Oanh; Ông Võ Sỹ Huyền.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
- **Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Nhung - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 14/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2021/HNGĐ-ST, ngày 13/10/2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; Sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Anh Nguyễn K (tên gọi khác Nguyễn Văn K); Sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn K (tên gọi khác Nguyễn Văn K) kết hôn với nhau vào ngày 20/9/1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi kết hôn chị H và anh K sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 02/2004 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên chị Lê Thị H bỏ nhà ra đi biệt tích. Năm 2008 anh K yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích, ngày 23/10/2008 Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố chị H mất tích (Quyết định số 02/2008/QĐST-TBMT, ngày 25/01/2010). Năm 2010 chị H trở về và yêu cầu Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích và Tòa án nhân dân huyện H đã hủy quyết định truyền bố mất tích (số 01/2010/QĐDS-ST). Quá trình chị H phát hiện anh K kết hôn với người khác nên chị yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K

và chị Trần Thị N, ngày 27/8/2021 Tòa án nhân dân huyện H hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N (quyết định số 01/2021/QĐST-VDS).

Nay chị Lê Thị H xác định giữa chị H và anh K không còn tình cảm nữa nên tha thiết xin được ly hôn để đảm bảo cuộc sống của hai bên.

* *Về con chung*: Quá trình sống chung giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn K có 02 người con chung cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 15/6/1993, cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay cháu T, cháu A đã trên 18 tuổi có công việc ổn định nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn K không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị H thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn K vắng mặt tại các buổi làm việc và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- *Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 6, 7, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn K (tên gọi khác Nguyễn Văn K).

+ *Về quan hệ con chung*: Các con trên 18 tuổi, có công việc ổn định, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn K không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai vay nợ chị H, anh K tài sản gì, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn K. Anh K có nơi cư trú tại: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, có mặt tại các buổi làm việc, có bản tự khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Đối với anh K tòa án triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng anh không có mặt tại tòa án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến làm việc, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Khóa không có mặt tại nhà. Tuy nhiên anh Nguyễn K đã được thông báo về nội dung Thông báo thụ lý vụ án thông qua chị Trần Thị N (hiện đang sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn K). Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Nguyễn K theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh K không chấp hành, anh vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn K theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa Chị Lê Thị H kết hôn với anh Nguyễn K là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị H, anh K chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, yêu thương, giúp đỡ, hỗ trợ nhau để xây dựng gia đình ngày càng hạnh phúc. Hạnh phúc anh chị kéo dài được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình của hai người không hợp, từ đó hai người bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống cũng như trong làm ăn, đến tháng 02/2004 mâu thuẫn trở nên căng thẳng nên chị H bỏ nhà ra đi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H nhận thấy giữa chị và anh K không còn tình cảm với nhau nữa, chị xin được ly hôn.

Còn phía anh K, mặc dù anh đã biết được nội dung của thông báo thụ lý vụ án, tuy nhiên những lần Tòa án triệu tập lên để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập phiên tòa đến lần thứ 2, anh đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án không xác định được quan điểm về hôn nhân của K.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người sống ly thân nhau đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn K là phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Hiện nay cháu T, cháu A đã trên 18 tuổi có công việc ổn định, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H trình bày chị H, anh K không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người nào vay nợ anh, chị tài sản gì, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

** Về áp dụng điều luật:*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn K (tên gọi khác Nguyễn Văn K).

2. *Về án phí:* Buộc chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006252, ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí chị Lê Thị H đã nộp đủ.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án chính được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA Dân sự H;
- UBND xã X, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Cường

